TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CÁI RĂNG** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 79/2024/DS-ST Ngày: 27-6-2024 V/v tranh chấp: "Hợp đồng tín dụng".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sang.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải- Thư ký Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Toà án nhân dân quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V)**. Trụ sở: Tầng A Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn Dũng E; bà Lê Thúy L; bà Nguyễn Thảo T - Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P, Số B U, Phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số A Q, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (Văn bản uỷ quyền ngày 16/4/2024). Có mặt.

2. ***Bị đơn***: Ông **Trương Kim K**; sinh năm: 1978 và Bà **Đoàn Thị Trúc N**; sinh năm: 1987. Cùng địa chỉ: N Chung cư T, khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) cho rằng:

Ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N có ký Hợp đồng tín dụng vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) theo **Hợp đồng tín dụng số 7981793.20 ngày 14/8/2020**; số tiền vay: **680.000.000đ** (Sáu trăm tám mươi triệu đồng); mục đích vay thanh toán tiền mua xe ô tô hiệu MAZDA CX5, biển số 65A-251.98; thời hạn vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày được giải ngân; thoả thuận thanh toán nợ gốc và lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng; lãi suất được quy định trong Khế ước nhận nợ cụ thể ngày 14/8/2020 là 9.4%/năm; sau 12 tháng điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo lãi suất cơ sở sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi là 10%/năm.

Khoản nợ trên được đảm bảo bằng tài sản đảm bảo là xe ô tô hiệu MAZDA CX5, số khung: RN2KW5726LN033619, số máy: PE50247036 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5355791.20 ngày 14/8/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Ngày 14/8/2020, ngân hàng đã giải ngân cho ông K, bà N số tiền vay 680.000.000đ.

Ông K đã thanh toán được 10 kỳ, lần thanh toán cuối cùng vào ngày 06/7/2021; tổng cộng đã thanh toán tiền vốn gốc 70.840.000đ + lãi đã thanh toán: 52.677.216đ thì ngưng.

Tạm tính đến ngày 27/6/2024; ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N còn nợ của nguyên đơn theo **Hợp đồng tín dụng số 7981793.20** ngày **14/8/2020**; tổng cộng: **886.577.771đ**; trong đó: nợ gốc: 609.160.000đ + nợ lãi trong hạn: 319.232đ + nợ lãi quá hạn: 277.098.539đ.

Ngoài ra, ngày 27/5/2019, ông Trương Kim K có ký Đơn Đề nghị phát hành **Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản**, loại thẻ MC CR VIB ZERO CARD, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất vay theo quy định của V từng thời kỳ, hạn mức cấp tín dụng: 60.000.000đ.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Trương Kim K vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Thông báo giao dịch hàng tháng; lần thanh toán cuối cùng ngày **05/5/2021** thì ngưng không thanh toán nữa. Tạm tính đến ngày 27/6/2024; bị đơn còn nợ Thẻ tín dụng: **150.778.912đ**; trong đó: nợ gốc: 56.421.952đ + nợ lãi: 3.303.149đ + nợ phí: 91.053.881đ.

Nay nguyên đơn yêu cầu:

Ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng ngày 14/8/2020 và Thẻ tín dụng nêu trên, tạm tính đến ngày 27/6/2024 là **1.037.356.683đ** (Một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm tám mươi ba đồng) và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo (28/6/2024) cho đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký.

Đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô hiệu MAZDA CX5, số khung: RN2KW5726LN033619, số máy: PE50247036 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5355791.20 ngày 14/8/2020: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản đảm bảo này.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn là ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện nguyên đơn cho rằng: đối với khoản nợ Thẻ tín dụng, nguyên đơn không yêu cầu bà N chịu trách nhiệm trả nợ, chỉ yêu cầu ông K chịu trách nhiệm trả số tiền còn nợ của Thẻ tín dụng; còn lại các yêu cầu khác, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là phù hợp quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đối với việc nguyên đơn yêu cầu ông K, bà N phải trả tiền nợ còn thiếu của **Hợp đồng tín dụng số 7981793.20** ngày **14/8/2020**; xét thấy:

Ông K và bà N có ký Hợp đồng tín dụng số 7981793.20 ngày 14/8/2020, đã nhận tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng đã ký nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà N phải thanh toán tiền nợ còn thiếu, tạm tính đến ngày 27/6/2024; tổng cộng: **886.577.771đ**; trong đó: nợ gốc: 609.160.000đ + nợ lãi trong hạn: 319.232đ + nợ lãi quá hạn: 277.098.539đ là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với số tiền **nợ Thẻ tín dụng**: xét thấy: ông Trương Kim K có ký tên vào Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/5/2019; ông K đã sử dụng dịch vụ thẻ tín dụng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận. Tại phiên toà, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông K thanh toán tiền nợ của Thẻ tín dụng còn thiếu, tạm tính đến ngày 27/6/2024; tổng cộng: **150.778.912đ**; trong đó: nợ gốc: 56.421.952đ + nợ lãi: 3.303.149đ + nợ phí: 91.053.881đ; không yêu cầu bà N chịu trách nhiệm trả khoản nợ Thẻ tín dụng, là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô hiệu MAZDA CX5, số khung: RN2KW5726LN033619, số máy: PE50247036 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5355791.20 ngày 14/8/2020: do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản đảm bảo này nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét mối quan hệ pháp luật: đây là vụ kiện tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V):

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông K, bà N thanh toán tiền nợ còn thiếu của **Hợp đồng tín dụng số 7981793.20** ngày 14/8/2020, tạm tính đến ngày 27/6/2024: tổng cộng: **886.577.771đ**; trong đó: nợ gốc: 609.160.000đ + nợ lãi trong hạn: 319.232đ + nợ lãi quá hạn: 277.098.539đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng đã ký; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông K, bà N có ký Hợp đồng tín dụng số 7981793.20 ngày 14/8/2020, đã nhận tiền vay theo Đơn đề nghị giải ngân Kiêm Khế ước nhận nợ ngày 14/8/2020 nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thoả thuận của hợp đồng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông K, bà N thanh toán nợ là có cơ sở.

Vì vậy, cần buộc ông K, bà N phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 7981793.20 ngày 14/8/2020, tạm tính đến ngày 27/6/2024: tổng cộng: **886.577.771đ**; trong đó: nợ gốc: 609.160.000đ + nợ lãi trong hạn: 319.232đ + nợ lãi quá hạn: 277.098.539đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

[2.2] Đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô hiệu MAZDA CX5, số khung: RN2KW5726LN033619, số máy: PE50247036 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5355791.20 ngày 14/8/2020: do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết đối với tài sản đảm bảo này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trương Kim K phải thanh toán nợ còn thiếu của **Thẻ tín dụng MC CR VIB ZERO CARD cấp ngày 27/5/2019**, tạm tính đến ngày 27/6/2024: tổng cộng: **150.778.912đ**; trong đó: Nợ gốc: 56.421.952đ + lãi 3.303.149đ + phí: 91.053.811đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đã ký; thấy rằng:

Căn cứ vào Thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 27/5/2019 thì chỉ có ông Trương Kim K ký tên. Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, ông K đã sử dụng dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng của ngân hàng nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu ông K phải thanh toán nợ còn thiếu, không yêu cầu bà N thanh toán nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Do đó, cần buộc ông Trương Kim K phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ của Thẻ tín dụng MC CR VIB ZERO CARD cấp ngày 27/5/2019, tạm tính đến ngày 27/6/2024: tổng cộng: **150.778.912đ**; trong đó: Nợ gốc: 56.421.952đ + lãi 3.303.149đ + phí: 91.053.811đ và tiền lãi phát

sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đã ký.

[3] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N phải chịu án phí: **38.597.300đ.**

Ông Trương Kim K phải chịu án phí: **7.538.950đ.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 91, 95, 98 Luật Các tổ chức tín dụng.

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V):

1.1 Buộc ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tiền nợ còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 7981793.20 ngày 14/8/2020, tạm tính đến ngày 27/6/2024: tổng cộng: **886.577.771đ** (Tám trăm tám mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm bảy mươi mốt đồng); trong đó: nợ gốc: 609.160.000đ + nợ lãi trong hạn: 319.232đ + nợ lãi quá hạn: 277.098.539đ và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quá hạn của Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký.

1.2 Buộc ông Trương Kim K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q tiền nợ còn thiếu của Thẻ tín dụng MC CR VIB ZERO CARD cấp ngày 27/5/2019, tạm tính đến ngày 27/6/2024: tổng cộng: **150.778.912đ** (Một trăm năm mươi triệu bảy trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm mười hai đồng); trong đó: Nợ gốc: 56.421.952đ + lãi 3.303.149đ + phí: 91.053.811đ và tiền lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo đến khi thanh toán tất nợ theo mức lãi suất quy định của hợp đồng đã ký.

2. Đối với tài sản đảm bảo là xe ô tô hiệu MAZDA CX5, số khung: RN2KW5726LN033619, số máy: PE50247036 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5355791.20 ngày 14/8/2020: nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

3. **Về án phí dân sự sơ thẩm**:

3.1 Ông Trương Kim K và bà Đoàn Thị Trúc N phải chịu **38.597.300đ** (Ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn ba trăm đồng) án phí.

3.2 Ông Trương Kim K phải chịu **7.538.950đ** (Bảy triệu năm trăm ba mươi tám ngàn chín trăm năm mươi đồng) án phí.

3.3 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **19.947.907đ** theo Biên lai số 003248 ngày 30/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

4. **Về quyền kháng cáo**: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với đương sự có mặt tại phiên toà, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà; các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND Q. Cái Răng;
- Chi cục T.H.A Q. Cái Răng;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Trang